

Số: /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm
mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2020/TT-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế quy định về Quản lý mỹ phẩm; Thông tư số 34/2025/TT-BYT ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế quy định về Quản lý mỹ phẩm;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 44/2024/TT-BYT ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ Quyết định số 2799/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số lĩnh vực thực hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số .../TTr-SYT ngày ... tháng ... năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau hết hiệu lực, gồm:

a) Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm, sinh phẩm y tế trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quyết định này được thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 Quyết định;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lào Cai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, (...).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Anh

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

**Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước khi thực hiện giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai sử dụng ngân sách nhà nước theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực y tế được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng định mức

- Đảm bảo chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ được giao.
- Các nội dung, định mức đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tính chất nhiệm vụ được giao.
- Gắn với quy trình chuyên môn, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tình hình triển khai thực hiện thực tế tại đơn vị.

Điều 4. Nội dung định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí trực tiếp để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc hoặc một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công, cụ thể:

- Định mức lao động: Là mức hao phí được tính bằng giờ lao động cần thiết để hoàn thành 01 (một) dịch vụ kiểm nghiệm mẫu mỹ phẩm, bao gồm định mức lao động trực tiếp và gián tiếp.
- Định mức máy móc, thiết bị, nhà xưởng, bao gồm:
 - Định mức khấu hao máy móc, thiết bị trực tiếp sử dụng cho dịch vụ, chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng trực tiếp thực hiện dịch vụ và thiết bị phụ trợ khác;
 - Hao phí duy tu, bảo dưỡng, hiệu chỉnh các thiết bị, dụng cụ và chi phí kiểm chuẩn, kiểm định thiết bị phục vụ trực tiếp kiểm nghiệm mẫu mỹ phẩm.

3. Định mức vật tư, hóa chất: Là lượng dụng cụ tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn sử dụng trực tiếp vào quá trình kiểm nghiệm mẫu mỹ phẩm.

4. Định mức hao phí quản lý, bao gồm:

a) Chi phí về điện, nước, nhiên liệu; cước dịch vụ viễn thông, bưu chính; thuê công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ, phần mềm quản lý; bảo đảm an ninh; vệ sinh, môi trường, xử lý chất thải; các chi phí thuê, mua ngoài khác;

b) Chi phí sửa chữa tài sản cố định, mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư, phương tiện, văn phòng phẩm dùng cho công tác quản lý;

c) Chi phí thuê phiên dịch, biên dịch; chi mua, in ấn, phô tô tài liệu, ấn phẩm dùng cho chuyên môn;

d) Chi phí đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ sức khỏe cho công chức, viên chức, người lao động;

đ) Các khoản chi phí khác (chi phí đánh giá, duy trì ISO/IEC 17025, GLP và chi phí đăng ký thử nghiệm thành thạo, chi phí đánh giá tay nghề...).

Điều 5. Bảng định mức

1. Phụ lục I: Danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm.

2. Phụ lục II: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm.

3. Phụ lục III: Thống kê thành phần công việc từng dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm.